CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Ngày 30/09/2025	5,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.9%	**-**	**-9.4%**

DT thuần
Q3/25
26.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.20| -7.7%
YoY: ▼3.70| -12.2%

LN thuần
Q3/25
2.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.49| 147%
YoY: ▲ 2.16| 635%

LN sau thuế
Q3/25
2.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.44| 190%
YoY: ▲ 1.96| 817%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
11.4%
YoY: +/-▲ 6.7%

ROE (TTM)
Q3/25
1.9%
YoY: +/-▲ 1.1%

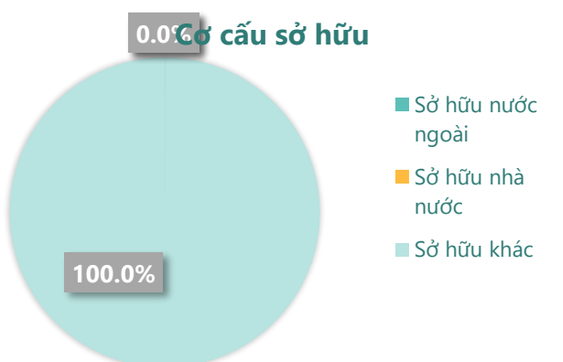
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,133 - 7,333
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	65
Số lượng CPLH (CP)	12,012,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,915
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.70
EPS	284
P/E	19.0

DT thuần
9T 2025
81.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.1| -15.7%

LN thuần
9T 2025
2.45
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.63| 200%

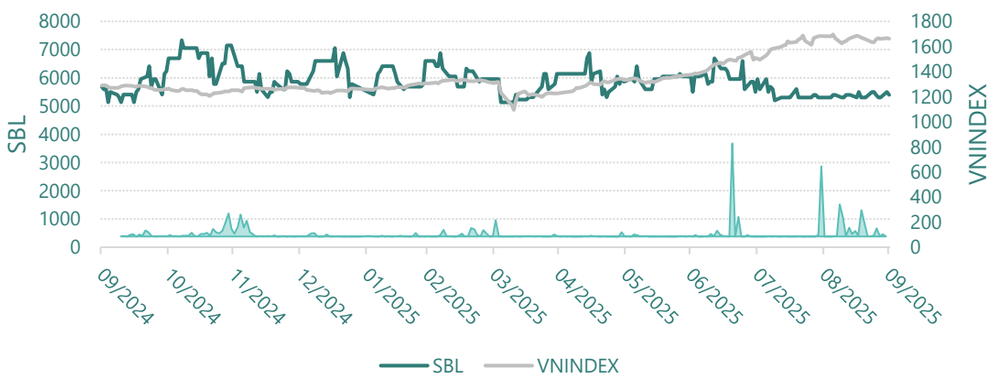
LN sau thuế
9T 2025
1.97
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.48| 302%

Cơ cấu sở hữu

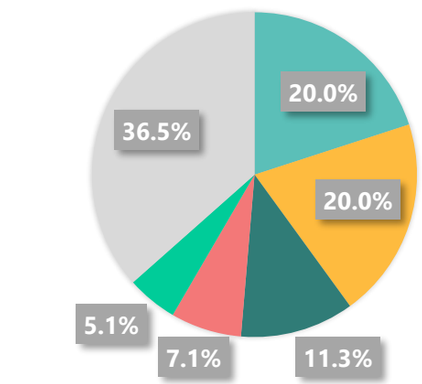


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

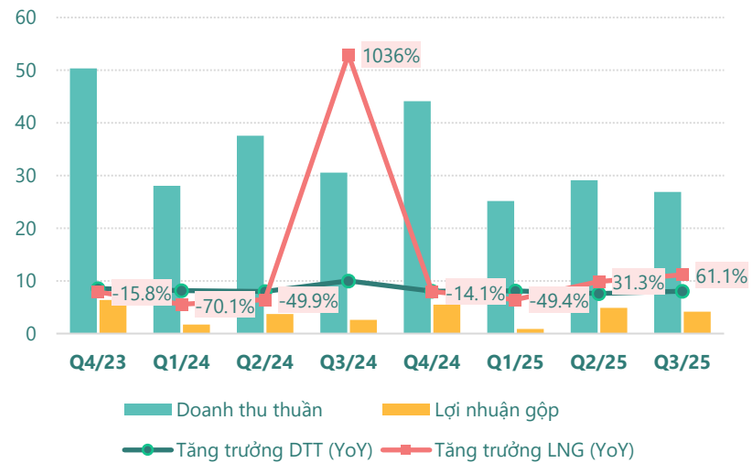


- CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây
- Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
- Nguyễn Thị Phương Khanh
- Nguyễn Duy Hưng
- Phạm Thị Hồng Hạnh (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

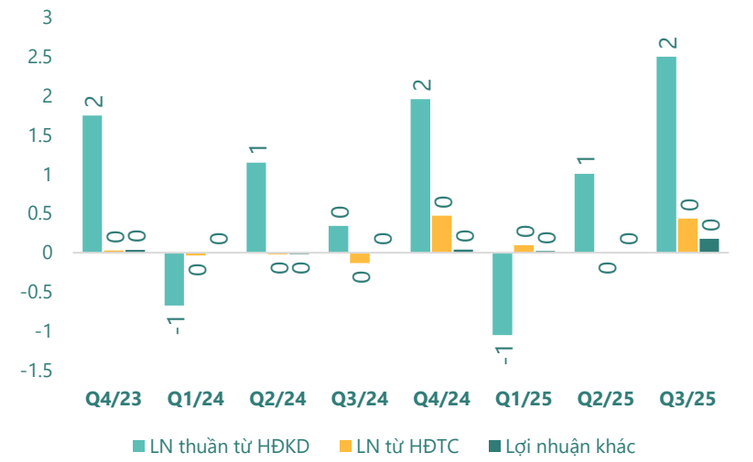
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



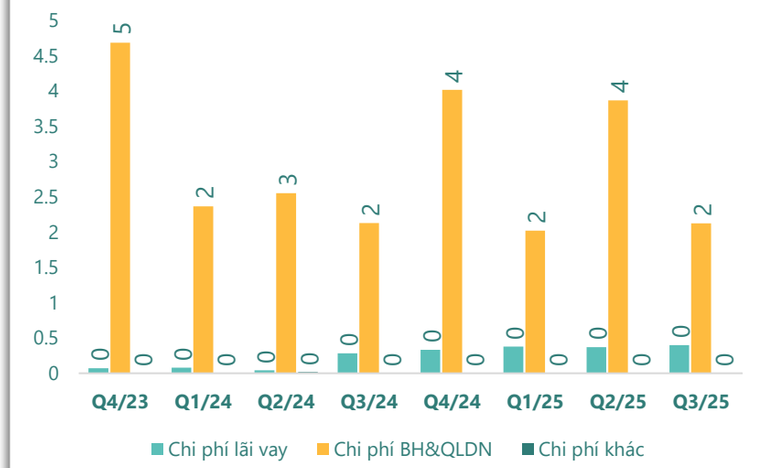
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



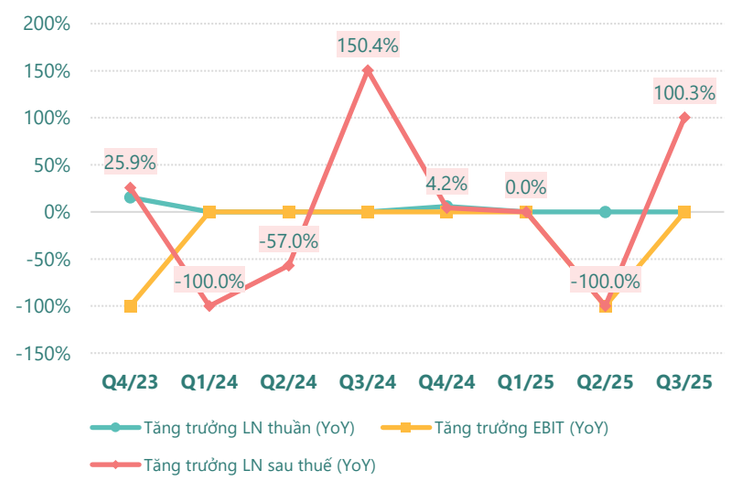
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



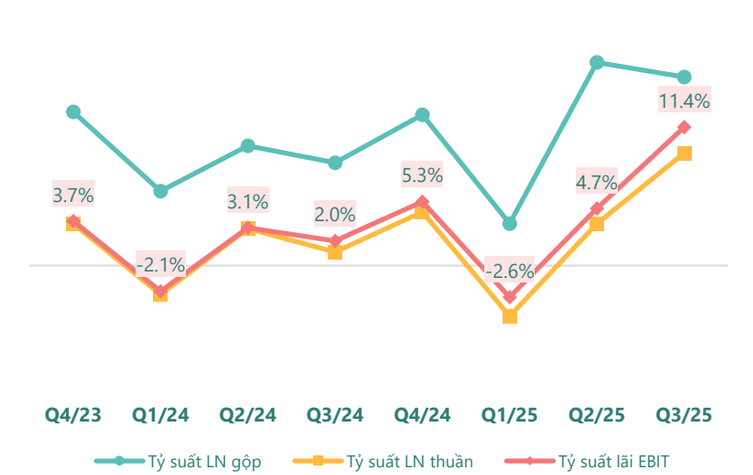
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



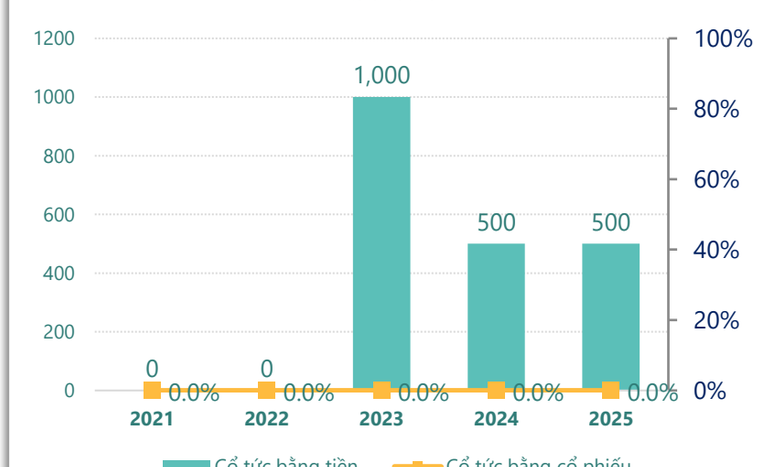
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

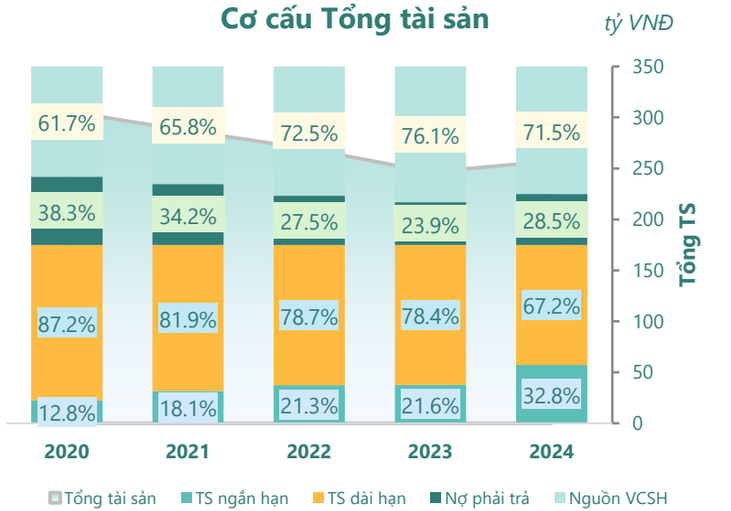
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

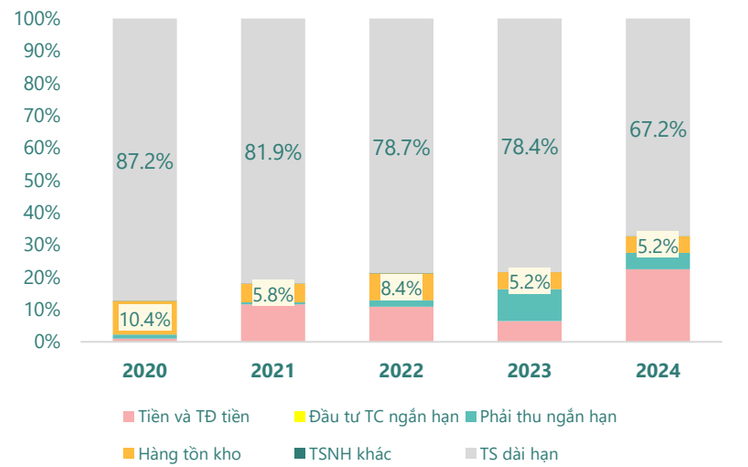
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



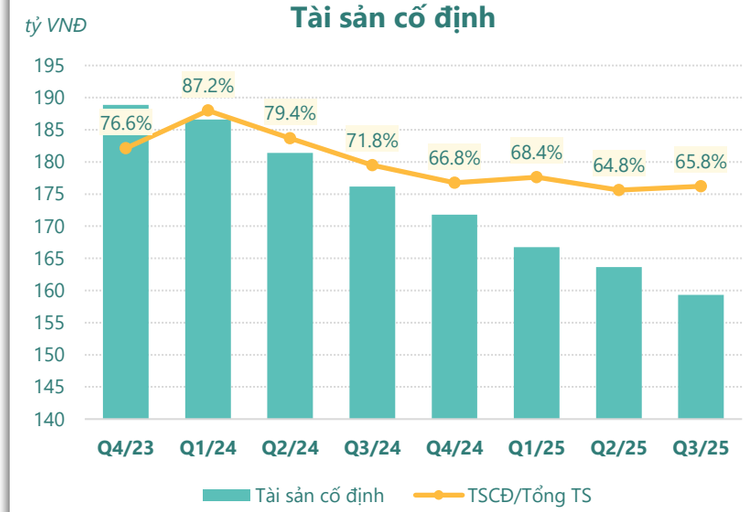
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



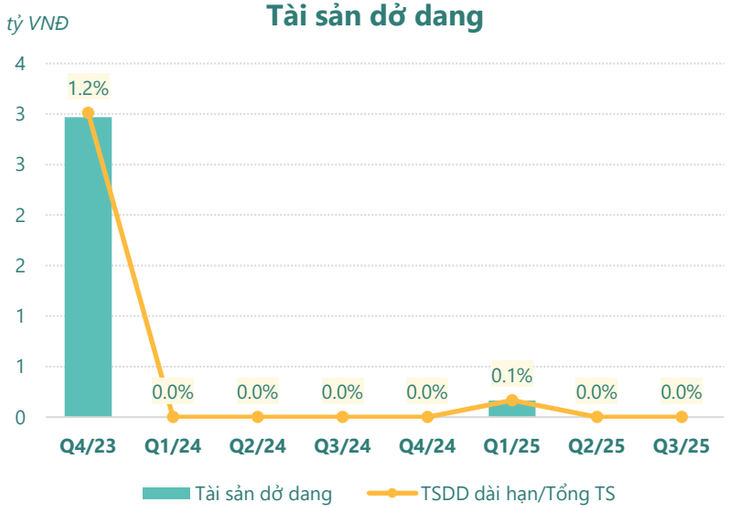
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



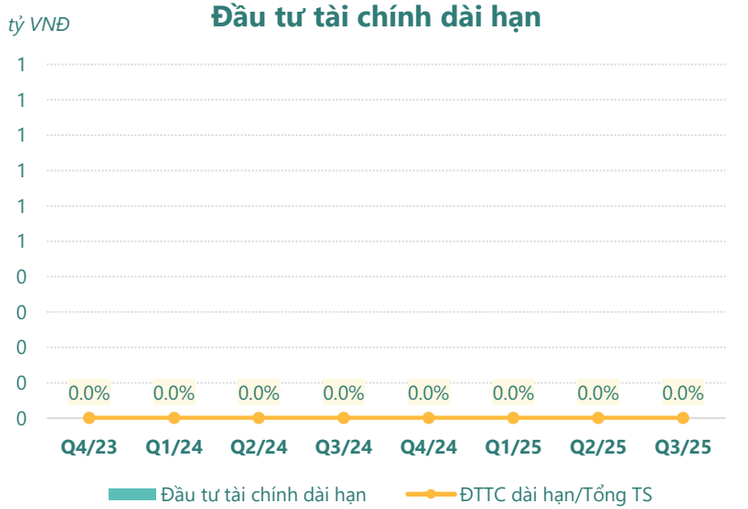
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



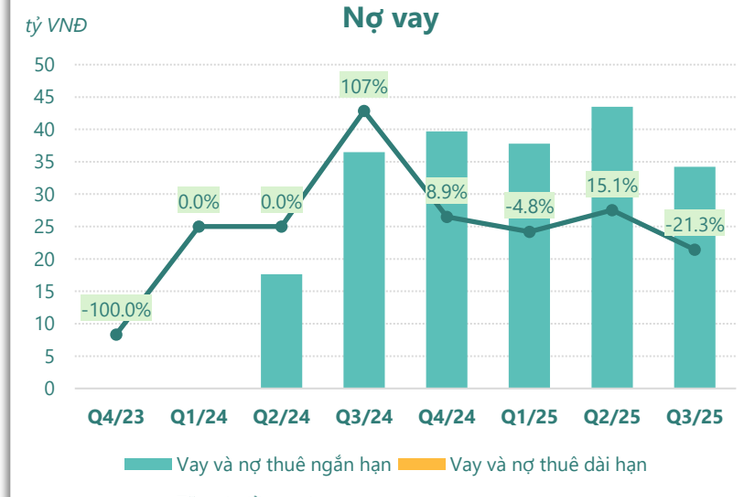
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

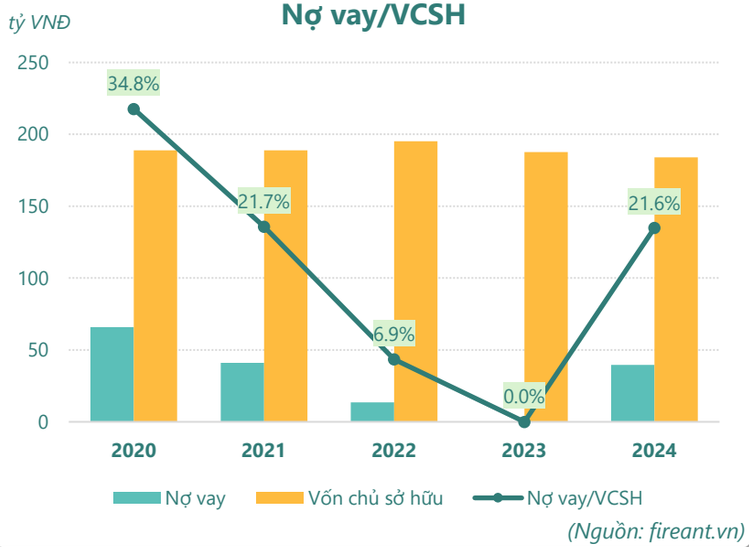
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

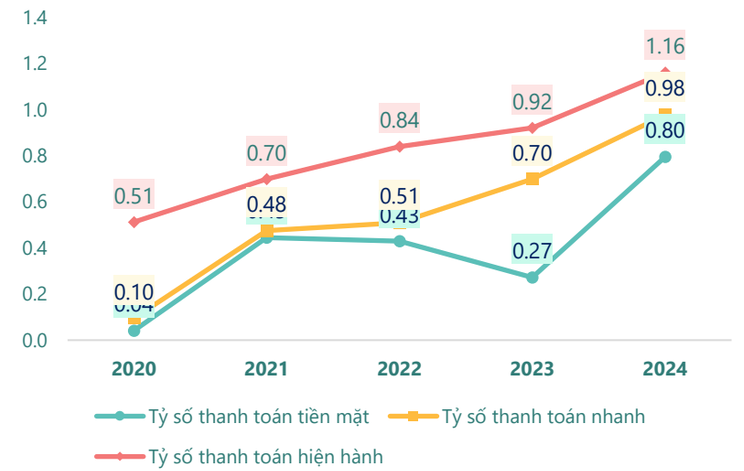
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



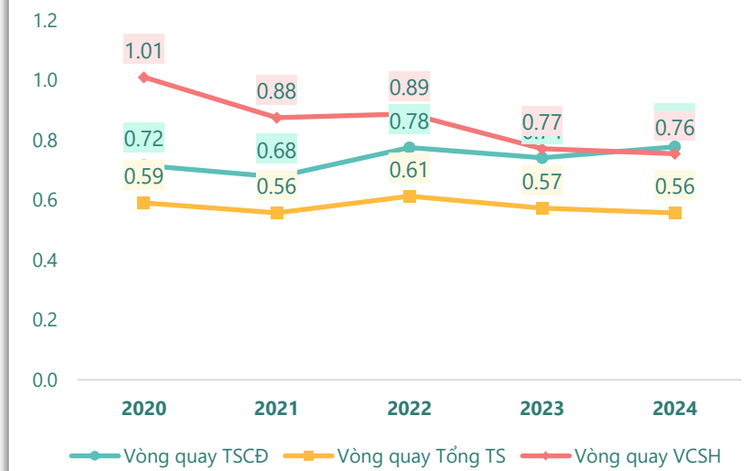
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



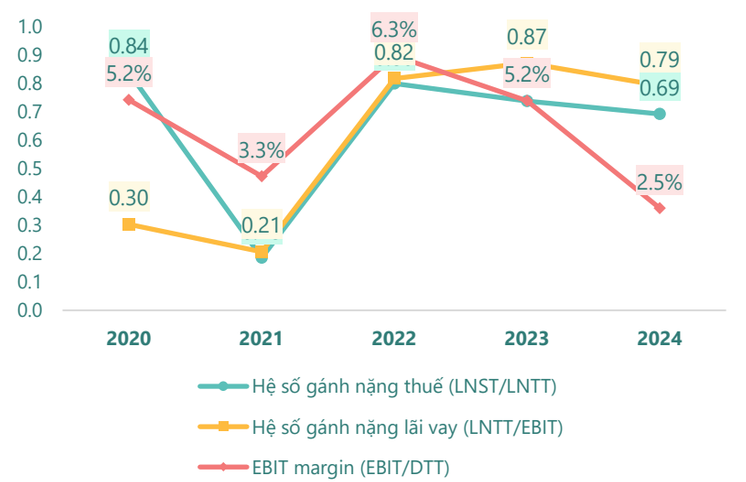
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



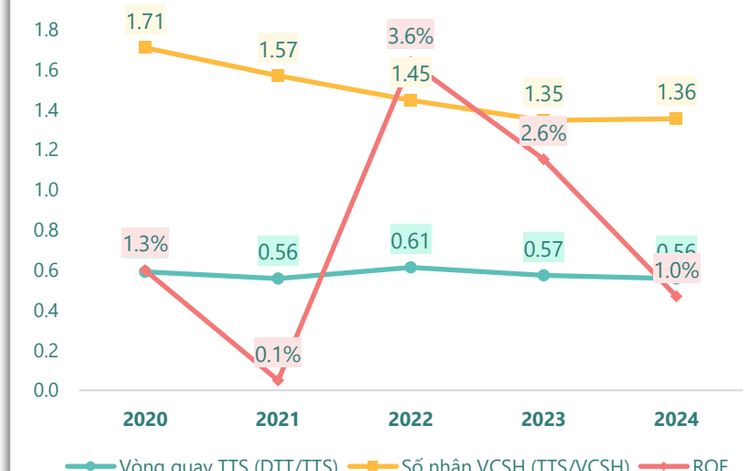
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



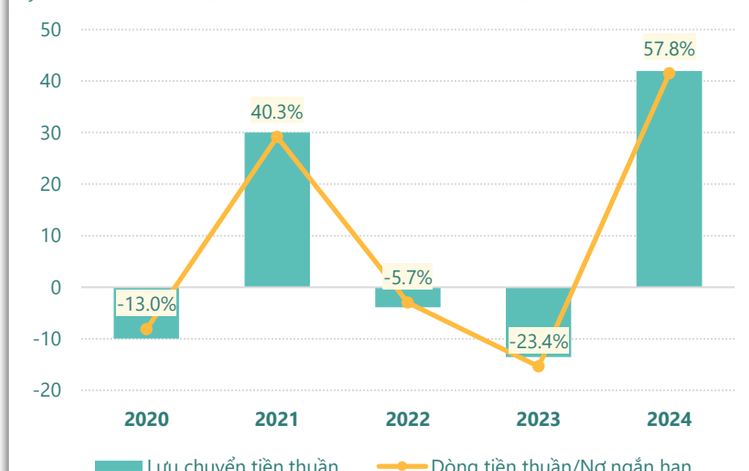
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**26.9**	**30.6**	**-12.2%**	**81.1**	**96.2**	**-15.7%**
Giá vốn hàng bán	22.7	28.0	-19.0%	71.2	88.1	-19.3%
Lợi nhuận gộp	4.19	2.60	61.0%	9.95	8.05	23.6%
Doanh thu HĐTC	0.83	0.15	455%	1.67	0.22	658%
Chi phí TC	0.40	0.28	42.0%	1.15	0.40	183%
Chi phí lãi vay	0.40	0.28	42.0%	1.15	0.40	183%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.09	0.05	75.1%	0.21	0.29	-28.5%
Chi phí QLDN	**2.04**	**2.08**	**-2.1%**	**7.80**	**6.75**	**15.6%**
LN thuần từ HĐKD	2.50	0.34	635%	2.45	0.82	200%
Lợi nhuận khác	**0.18**	**0.00**		**0.20**	**-0.02**	**1387%**
LN trước thuế	2.68	0.34	687%	2.65	0.80	231%
Lợi nhuận sau thuế	**2.20**	**0.24**	**817%**	**1.97**	**0.49**	**302%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.20**	**0.24**	**817%**	**1.97**	**0.49**	**302%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.44	14.6	3.66	2.58	8.34	3.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.02	0.15	0.84	-0.40	-3.77	-45.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.1	18.4	3.23	-1.90	5.70	-14.8
Tiền đầu kỳ	2.34	16.8	50.0	57.7	58.0	68.3
Lưu chuyển tiền thuần	**14.5**	**33.2**	**7.73**	**0.28**	**10.3**	**-57.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.8	50.0	57.7	58.0	68.3	10.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**242**	**257**	**-6.0%**
Tài sản ngắn hạn	82.1	84.3	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	10.9	57.7	-81.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.5	0	
Phải thu ngắn hạn	5.23	13.0	-59.9%
Hàng tồn kho	15.4	13.4	15.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.13	0.15	-15.1%
Tài sản dài hạn	**160**	**173**	**-7.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	159	172	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.54**	**1.15**	**-53.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	62.1	73.2	-15.1%
Nợ ngắn hạn	**61.2**	**72.6**	**-15.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.2	39.7	-13.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.45	4.67	-69.0%
Nợ dài hạn	0.92	0.61	51.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**180**	**184**	**-2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**180**	**184**	**-2.3%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)